

Bản án số: 1133/2023/LĐ-PT

Ngày: 05-12-2023

V/v tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Lê Thị Quỳnh Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Hồng Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Lê Thị Thuận Hòa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 74/2023/TLPT-LĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 21/2023/LĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5144/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh H; Địa chỉ: Số E P, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn Q; Địa chỉ: Số A đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2020). (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần V; Địa chỉ: H N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Xuân B; Địa chỉ: H N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2021). (Có mặt)

Người giám định: Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C: Ông Lê Trung Q1 – Giám định viên; Địa chỉ: B N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Trung tâm T; Địa chỉ: F Khu Á, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội; Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Mạnh H1.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Minh H – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 02/6/2020; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ghi ngày 20/3/2021 và ngày 14/01/2022, lời khai trình tại Cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Minh H có người đại diện hợp pháp ông Phan Văn Q trình bày:

Ông Lê Minh H làm việc tại Công ty Cổ phần V (gọi tắt là Công ty) từ tháng 10/2011 với hợp đồng lao động không xác định thời hạn; mức lương 6.200.000 đồng/tháng, vị trí công việc: lái xe vận tải từ 07 tấn đến dưới 20 tấn. Ngày 12/12/2019, Công ty ra Quyết định số 567/2019/QĐ-CPVT với nội dung chấm dứt hợp đồng lao động với ông H kể từ ngày 19/12/2019, lý do cho nghỉ việc là để hưởng chế độ hưu trí. Tại thời điểm Công ty cho ông H nghỉ việc, ông H đủ độ tuổi nghỉ hưu (60 tuổi) nhưng chưa đủ thời gian 20 năm đóng bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ hưu trí. Đến tháng 12/2019 thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của ông H là 12 năm 01 tháng, chưa đủ điều kiện để Công ty chấm dứt hợp đồng lao động theo Khoản 4 Điều 36 Bộ Luật Lao động năm 2012. Việc Công ty cho ông H nghỉ việc là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không có lý do chính đáng, không căn cứ theo quy định của Bộ Luật lao động năm 2012. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp giải quyết:

- Buộc Công ty phải nhận ông H trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết.

- Buộc Công ty phải trả các khoản sau: (1) Thu nhập do không được làm việc với số tháng tạm tính là 24 tháng tính từ ngày 20/12/2019 trên mức lương là 6.200.000 đồng/tháng (mức lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp): $6.200.000đ \times 24 \text{ tháng} = 148.800.000 \text{ đồng}$; (2) Bồi thường hai tháng lương trong hợp đồng theo quy định hiện hành là $6.200.000đ \times 2 = 12.400.000 \text{ đồng}$; (3) Trả tiền BHXH, BHYT là 20,5% (trong đó: tiền BHXH 17,5% căn cứ Khoản 1 Điều 86 Luật BHXH năm 2014, Điều 44 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015, Điều 3 Nghị định số 44/2017/NĐ-CP; tiền BHYT 3% căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 13 Luật BHYT năm 2008, Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 105/2014/NĐ-CP) tạm tính 24 tháng là: $6.200.000đ \times 20,5\% \times 24 \text{ tháng} = 30.504.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 191.704.000 đồng.

Ông H có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ghi ngày 20/3/2021 và ngày 14/01/2022, sửa đổi mức lương bồi thường từ 6.200.000 đồng/tháng lên thành 11.403.034 đồng/tháng căn cứ thu nhập bình quân 06 tháng trước khi nghỉ việc cộng với tiền trích nộp lại công ty 10,5% tiền BHXH, BHYT.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu buộc Công ty phải nhận ông H trở lại làm việc. Nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu về việc Công ty phải thanh toán cho ông H: Thu nhập do không được làm việc tính từ tháng 12/2019 đến tháng 7/2023 là 44 tháng theo mức lương 11.403.034 đồng là 501.733.496 đồng; bồi thường thêm hai tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái

pháp luật 22.806.068 đồng và tiền BHXH, BHYT là 55.924.000 đồng; tổng cộng 580.463.564 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần V có người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Xuân B1 trình bày:

Ngày 16/10/2010, Công ty ký kết với ông Lê Minh H hợp đồng lao động số 205/HĐLD-TC, thời hạn một năm kể từ ngày 16/10/2010 đến ngày 16/10/2011, công việc lái xe tải nặng (giấy phép lái xe hạng C). Ngày 16/10/2011, Công ty ký kết với ông Lê Minh H hợp đồng lao động số 158/HĐLD-TC, không xác định thời hạn kể từ ngày 16/10/2011, công việc lái xe tải nặng (giấy phép lái xe hạng C). Ngày 25/11/2019, Phòng Tổ chức nhân sự Công ty nhận được đơn xin nghỉ việc của ông H do Đội trưởng đội xe là ông Nguyễn Văn N gửi lên. Trong đó, ông H xin được nghỉ việc từ ngày 19/12/2019 do bận việc gia đình. Ngày 12/12/2019, Công ty K Quyết định số 567/2019/QĐ-CPVT về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông H từ ngày 19/12/2019. Thời điểm năm 2019, Công ty có sáu đội xe, chi nhánh, theo nguyên tắc quản lý của Công ty T1 các văn bản, giấy tờ như đơn xin tạm ứng, xin nghỉ không lương, nghỉ phép ... của các tài xế phải thông qua giám đốc chi nhánh hoặc đội trưởng ký rồi mới gửi lên phòng nghiệp vụ Công ty giải quyết. Thời điểm ông H xin nghỉ, ông Nguyễn Văn N là đội trưởng. Ông N đã nghỉ, không còn làm tại công ty được khoảng 01 năm. Theo quy trình của Công ty là người lao động nộp đơn trực tiếp cho quản lý của mình (đội trưởng đội xe), người quản lý tiếp nhận đơn và phê duyệt rồi chuyển lên phòng Tổ chức nhân sự Công ty, phòng Tổ chức nhân sự ký duyệt và soạn quyết định để trình lên Ban Tổng giám đốc ký. Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là đúng quy định pháp luật. Công ty đã chốt thời gian tham gia và trả sổ BHXH mã số 0207416100 cho ông H có ký nhận. Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Người giám định Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C có ông Lê Trung Q1 trình bày: Ngày 21/02/2022, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp có trưng cầu giám định tại Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C. Phân viện có phân công cho ông là Giám định viên thực hiện việc giám định, có hai nội dung: Đơn xin nghỉ việc chữ ký có phải là chữ ký của ông Lê Minh H không và tuổi mực của Đơn xin nghỉ việc lập thời gian nào. Ngày 08/3/2022, Phân viện ban hành Kết luận Giám định số 1277/KL-KTHS kết luận chữ ký do một người ký ra, không xác định được tuổi mực (thời gian ký). Ông đã thực hiện việc giám định đúng trình tự tổ tụng, đúng Luật giám định tư pháp, thực hiện việc giám định một cách khách quan và thận trọng.

Người làm chứng Trung tâm Tư vấn, Giám định Dân sự (gọi tắt là Trung tâm) có người đại diện hợp pháp ông Hoàng Mạnh H1 trình bày: Trung tâm Tư vấn, Giám định Dân sự trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, ông là Giám định viên Thẻ Giám định viên Tư pháp số 1708/TP-GĐTP ngày 30/5/2007, nơi công tác ghi trong thẻ là V1 - Bộ C. Mặc dù ông đã về hưu nhưng Giám định viên là một nghề có giá trị suốt đời. Phương pháp thực hiện việc giám định do Giám định viên quyết định. Hiện nay, trên Việt Nam và Đông Nam Á, chỉ có một mình Trung tâm Tư vấn, Giám định Dân sự mới giám định

được tuổi mực. Có nhiều phương pháp, các phương pháp độc lập và cho kết quả giống nhau thì sẽ đưa ra bản kết luận. Ông Q đại diện cho ông Lê Minh H có đơn yêu cầu Trung tâm thực hiện giám định tuổi mực của Đơn xin nghỉ việc ngày 25/11/2019 và ông Q có ký hợp đồng với Trung tâm. Trung tâm có cử người đến trực tiếp tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp để mượn các bản chính tài liệu để thực hiện giám định. Trung tâm đã sử dụng phương pháp tìm bản chất hóa học tuổi mực (phải đục lỗ lấy mẫu mực trên các tài liệu) và phương pháp chiếu tia sáng lên các tài liệu đó, từ đó ban hành Bản giám định số 25/2022/TTTVGĐDS ngày 10/9/2022. Sau đó, ông Q có tiếp tục yêu cầu giám định chữ ký xem có đúng là do ông Lê Minh H ký không, tài liệu để thực hiện việc giám định có thể do ông đã tự chụp lại do lúc trước có mượn của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp hoặc có thể do ông Q chụp lại và gửi cho ông để giám định chữ ký. Mặc dù đã trả bản chính các tài liệu cho Tòa án nhưng ông sử dụng bản chụp để thực hiện việc giám định và đã ban hành Bản giám định số 33/2022/TTTVGĐDS ngày 09/9/2022. Việc thực hiện hai bản giám định trên với tư cách là người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Bản án lao động sơ thẩm số 21/2023/LĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Căn cứ vào các Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40, Điều 93, khoản 6 Điều 95, Điều 102, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 22, Điều 23, Điều 25, khoản 3 Điều 36 và Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 9, Điều 13, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Luật Giám định tư pháp; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Minh H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V và Giao nhận V thanh toán cho Lê Minh H: tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ tháng 12/2019 đến tháng 7/2023 là 44 tháng theo mức lương 11.403.034 đồng là 501.733.496 đồng; bồi thường hai tháng tiền lương 22.806.068 đồng và tiền BHXH, BHYT là 55.924.000 đồng; tổng cộng 580.463.564 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H buộc Công ty Cổ phần V phải nhận trở lại làm việc.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Lê Minh H được miễn nộp án phí. Công ty V không phải chịu án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 25/8/2023 nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo, nguyên đơn ông Lê Minh H có ông Phan Văn Q đại diện trình bày: Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do là nguyên đơn không có lập và ký đơn xin nghỉ việc ngày 25/11/2019 mà do Công ty cho nghỉ việc do hết tuổi lao động. Để xác định chứng cứ theo đúng sự thật, nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giám định tuổi mực và chữ viết. Kết quả giám định của Phân viện KHHS Bộ C thì chữ ký trên đơn xin nghỉ việc và chữ ký mẫu của ông H là một người, không giám định được tuổi mực. Trong khi đó, kết quả giám định chữ viết và tuổi mực của Trung tâm Giám định dân sự thì chữ ký trên đơn xin nghỉ việc không phải của ông H, tuổi mực được viết khác so với thời điểm ông H nghỉ việc. Cấp sơ thẩm cho rằng bản Giám định số 25/2022/TTTVGDDS và số 33/2022/TTTVGDDS không là chứng cứ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không đồng ý với bản án sơ thẩm vì: Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ trên đơn xin nghỉ việc và Kết luận giám định chữ viết mà không xét yếu tố tuổi mực là chưa đi đến cùng bản chất của sự thật. Tuổi mực trên đơn nghỉ việc là yếu tố quyết định đến việc có hay không một văn bản do chính nguyên đơn lập. Chữ viết thì có thể giống nhau nhưng tuổi mực thì không thể giả mạo. Do đó, kết luận về tuổi mực phải được ghi nhận là sự thật cuối cùng, là chứng cứ xác định ông H không tạo lập đơn nghỉ việc tại thời điểm 25/11/2019; Thứ hai, Trung tâm giám định tư vấn giám định dân sự đã được Bộ K1 và Công nghệ chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ, Quyết định thành lập số 41E/QĐ-LHH ngày 21/6/2011. Đồng thời, ông Hoàng Mạnh H1 có thẻ Giám định viên tư pháp số 1708/TP-GĐTP cấp ngày 11/8/1989. Nguyên đơn yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn cung cấp thêm các tài liệu tham khảo gồm: Công văn số 1761/C09-P5 ngày 03/7/2023 của V1 Bộ C, Công văn số 146/CV-P11 ngày 29/6/2023 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Q2 và Công văn số 401/CV-PC09 ngày 04/7/2023 của Phòng K2 Công an Thành phố H.

Bị đơn Công ty Đ trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn chấm dứt hợp đồng theo đơn xin nghỉ việc của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật lao động, xét thấy: cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh theo lựa chọn Tòa án theo nơi cư trú của nguyên đơn là đúng quy định.

[1.3] Cấp sơ thẩm không triệu tập người làm chứng ông Nguyễn Văn N tham gia tố tụng là đúng quy định.

[1.4] Cấp sơ thẩm xác định Trung tâm T không phải là người giám định theo quy định tại Điều 79, Điều 102 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và xác định Trung tâm là người làm chứng theo đề nghị của nguyên đơn và trên cơ sở xem xét tài liệu chứng cứ là hai bản giám định do nguyên đơn cung cấp theo quy định tại Điều 77 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là đúng quy định.

[1.5] Cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty phải nhận trở lại làm việc là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.6] Cấp phúc thẩm không triệu tập người giám định là Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc Bộ C) và ông Lê Trung Q1 (Giám định viên) và người làm chứng là Trung tâm Tư vấn Giám định Dân sự do Cấp sơ thẩm đã làm rõ các vấn đề liên quan đến giám định, kết quả giám định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ lao động, các bên đương sự xác nhận:

Ông Lê Minh H và Công ty Cổ phần V xác lập quan hệ lao động theo Hợp đồng lao động 158/HĐLD-TC ngày 16/10/2011, hợp đồng này có nội dung và hình thức phù hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 22 của Bộ luật lao động năm 2012. Nội dung chính của hợp đồng: hợp đồng không xác định thời hạn từ ngày 16/10/2011; chức danh chuyên môn: lái xe; công việc phải làm: lái xe theo hợp đồng khoán do Đội trưởng phân công; mức lương: lương cấp bậc, bậc ¼, hệ số 2,51, thang bảng lương B12.3.

Ngày 12/12/2019, Công ty Cổ phần V ban hành Quyết định số 567/2019/QĐ-CPVT chấm dứt hợp đồng lao động với ông H từ ngày 19/12/2019 với lý do xét đơn xin thôi việc của ông Lê Minh H.

[2.2] Nguyên đơn cho rằng Công ty Cổ phần V và Giao nhận V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Lê Minh H bởi tại thời điểm Công ty cho ông H nghỉ việc, ông H đủ độ tuổi nghỉ hưu (60 tuổi) nhưng chưa đủ thời gian 20 năm đóng bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ hưu trí và do nguyên đơn không có lập và ký đơn xin nghỉ việc ngày 25/11/2019.

[2.3] Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn đề nghị giám định chữ viết tuổi mực đề ngày 12/5/2021 và ngày 22/12/2021. Cấp sơ thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, tuổi mực tại Phân viện KHHS Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định trưng cầu giám định số 02/2022/QĐ-TCGD ngày 09/02/2022 trên cơ sở Đơn đề nghị ghi ngày 04/5/2021 của nguyên đơn về việc trưng cầu giám định chữ viết, tuổi mực đối với Đơn xin nghỉ việc của ông H do Công ty cung cấp.

Căn cứ Kết luận Giám định số 1277/KL-KTHS ngày 08/3/2022 của Phân viện KHHS Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“1. Chữ ký đứng tên Lê Minh H dưới mục: “Người làm đơn” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Lê Minh H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký ra.

2. Không xác định được tuổi mực (Thời gian ký) chữ ký đứng tên Lê Minh H dưới mục: “Người làm đơn” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A.”

Việc đương sự yêu cầu giám định được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án trưng cầu giám định thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Ngày 07/4/2022 và ngày 29/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn yêu cầu giám định tuổi mực và cung cấp tên và địa chỉ đơn vị giám định gửi đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Ngày 10/6/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn đề nghị giám định tuổi mực chữ viết (tự yêu cầu giám định tuổi mực) gửi đến Trung tâm tư vấn giám định dân sự. Trung tâm tư vấn giám định dân sự có Bản giám định số 25/2022/TTTVGĐDS ngày 10/9/2022 gửi cho ông Phan Văn Q.

Theo nội dung thể hiện tại Bản giám định số 33/2022/TTTVGĐDS ngày 09/9/2022 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự thì việc giám định thực hiện theo Đơn yêu cầu giám định ngày 13/9/2022 do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn Q lập với yêu cầu giám định chữ ký trong Đơn xin nghỉ việc của ông Lê Minh H.

Việc đương sự tự mình thực hiện giám định chữ ký và tuổi mực của chữ ký sau khi đã có kết luận giám định của cơ quan giám định tư pháp theo Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án là thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 21 Luật giám định tư pháp, cũng như thực hiện không đúng quy định tại khoản 4 và 5 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2.5] Các tài liệu tham khảo do nguyên đơn nộp tại phiên tòa phúc thẩm gồm Công văn số 1761/C09-P5 ngày 03/7/2023 của V1 Bộ C, Công văn số 146/CV-P11 ngày 29/6/2023 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Q2 và Công văn số 401/CV-PC09 ngày 04/7/2023 của Phòng K2 Công an Thành phố H cũng thể hiện việc các tổ chức giám định tư pháp như V1 Bộ C, Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Q2, Phòng K2 Công an Thành phố H hiện nay chưa có đủ trang thiết bị và công nghệ để thực hiện giám định xác định tuổi mực trên tài liệu.

[2.6] Cấp sơ thẩm xác định hai tài liệu do nguyên đơn cung cấp Bản giám định số 25/2022/TTTVGĐDS ngày 10/9/2022 và số 33/2022/TTTVGĐDS ngày 09/9/2022 của Trung tâm Tư vấn, Giám định Dân sự không là chứng cứ theo quy định tại Điều 93, Khoản 6 Điều 95 và Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2.7] Việc nguyên đơn cho rằng Trung tâm giám định tư vấn giám định dân sự đã được Bộ K1 và Công nghệ chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ theo Quyết định thành lập số 41E/QĐ-LHH ngày 21/6/2011 và ông Hoàng Mạnh H1 có thể Giám định viên tư pháp số 1708/TP-GĐTP cấp ngày 11/8/1989 đề nghị Cấp phúc thẩm xem xét đánh giá lại đối với hai tài liệu kết luận Giám định số 25/2022/TTTVGĐDS và số 33/2022/TTTVGĐDS của Trung tâm giám định tư vấn giám định dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Việc giám định khi giải quyết vụ việc dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự và theo các quy định tại Luật giám định tư pháp.

- Cấp sơ thẩm căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-BKHCN ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ K1 và Công nghệ về việc công bố Danh sách tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc trong hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ K1 và Công nghệ năm 2022 không có tên Trung tâm Tư vấn, Giám định Dân sự, không có tên ông Hoàng Mạnh H1. xác định Trung tâm T và ông Hoàng Mạnh H1 không phải là người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc theo quy định tại Điều 9, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Luật Giám định tư pháp năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020 là đúng quy định. Cấp phúc thẩm căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-979 do Bộ K1 và Công nghệ cấp ngày 07/7/2011 xác định Trung tâm Tư vấn, Giám định Dân sự chỉ có chức năng giám định khoa học, không có chức năng giám định tư pháp.

- Ngoài ra, đối với Thẻ Giám định viên tư pháp số 1708/TP-GĐTP do Bộ Tư pháp cấp ngày 30/5/2007 có nội dung thể hiện ông Hoàng Mạnh H1 được bổ nhiệm Giám định viên tư pháp ngày 11/8/1989, thẻ được cấp cho ông Hoàng Mạnh H1 với nơi công tác là V1 Bộ C. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật Giám định tư pháp sửa đổi 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021) về “Thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp” có nội dung: “*1. Các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp: ... đ. Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật*”, nhận thấy ông Hoàng Mạnh H1 sinh năm 1948, hiện đã 75 tuổi, đã nghỉ hưu tại V1, do đó không còn làm việc tại V1, thuộc trường hợp miễn nhiệm Giám định viên tư pháp. Ông H1 không cung cấp được văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp

với quy định của pháp luật nên không xác định ông Hoàng Mạnh H1 là giám định viên tư pháp làm việc tại V1.

[2.8] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Cấp sơ thẩm xác định ông H1 xin nghỉ việc theo Đơn xin nghỉ việc ngày 25/11/2019 và được Công ty đồng ý bằng Quyết định số 567/2019/QĐ-CPVT ngày 12/12/2019 trên cơ sở Đơn xin nghỉ việc của người lao động là trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động theo thỏa thuận được quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật lao động năm 2012 nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, ông Lê Minh H, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 21/2023/LĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ: Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 40, Điều 93, khoản 6 Điều 95, Điều 102, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 22, Điều 23, Điều 25, khoản 3 Điều 36 và Điều 47 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 9, Điều 13, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 22 của Luật Giám định tư pháp; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Minh H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V và Giao nhận V thanh toán cho Lê Minh H: tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ tháng tính từ tháng 12/2019 đến tháng 7/2023 là 44 tháng theo mức lương 11.403.034 đồng là 501.733.496 đồng, bồi thường hai tháng tiền lương 22.806.068 đồng và tiền BHXH, BHYT là 55.924.000 đồng; tổng cộng 580.463.564 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H buộc Công ty Cổ phần V phải nhận trở lại làm việc.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Lê Minh H được miễn nộp án phí. Công ty V không phải chịu án phí.

4. Án phí lao động phúc thẩm: ông Lê Minh H không phải chịu án phí lao động phúc thẩm do được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí lao động.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài